

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN TÂN BIÊN** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/NQ-HĐND

Tân Biên, ngày 15 tháng 12 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách huyện năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN**  
**KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên về việc thông qua dự toán ngân sách Nhà nước và phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2017;

Sau khi xem xét Tờ trình số 427/TTr-UBND, ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách huyện năm 2017, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất điều chỉnh dự toán ngân sách cấp huyện năm 2017 như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2017, số tiền: 500 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng). Do khoản thu học phí không đưa vào chỉ tiêu giao thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017.

Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2017 sau điều chỉnh, số tiền là : 121.600 triệu đồng (Một trăm hai mươi một tỷ sáu trăm triệu đồng).

2. Điều chỉnh dự toán chi năm 2017, cụ thể như sau:

a) Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017, số tiền: 500 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng). Do khoản chi từ nguồn thu học phí không đưa vào chỉ tiêu giao thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017.

b) Điều chỉnh giảm nguồn chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội về khoản đầu tư mua sắm xe ô tô cho Huyện ủy Tân Biên do không thực hiện từ nguồn ngân sách huyện trong năm 2017 là 1.161 triệu đồng và kinh phí thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính huyện Tân Biên là 1.045 triệu đồng. Tổng cộng là 2.206 triệu đồng (Hai tỷ hai trăm lẻ sáu triệu đồng).

c) Điều chỉnh nhiệm vụ chi: Điều chỉnh giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư xây dựng cơ bản số tiền: 11.137 triệu đồng (Mười một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Điều chỉnh giảm chi thường xuyên từ nguồn chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội: 7.205 triệu đồng.

Điều chỉnh giảm chi thường xuyên từ nguồn chi sự nghiệp phát thanh, thể dục, thể thao, kinh tế: 2.240 triệu đồng.

Điều chỉnh giảm chi cân đối ngân sách xã do ngân sách huyện thu hồi kinh phí thực hiện Nghị định 116/2010/NĐ-CP của Chính phủ và kinh phí trợ cấp cho người làm công tác xã hội ở xã do thực hiện đề án chi trả qua Bưu điện của tỉnh Tây Ninh, số tiền là 1.692 triệu đồng.

d) Điều chỉnh nhiệm vụ chi: Điều chỉnh giảm nguồn chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội; tăng nguồn chi khác số tiền: 600 triệu đồng (Sáu trăm triệu đồng).

đ) Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2017, số tiền: 154.775 triệu đồng (Một trăm năm mươi bốn tỉ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng), từ các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung ngoài dự toán:	119.923 triệu đồng
<i>Trong đó:</i>	
+ <i>Bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản:</i>	<i>111.846 triệu đồng</i>
+ <i>Bổ sung kinh phí chi thường xuyên:</i>	<i>8.437 triệu đồng</i>
- Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất:	7.424 triệu đồng
<i>Trong đó: Bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản:</i>	<i>7.424 triệu đồng</i>
- Chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017:	18.797 triệu đồng
<i>Trong đó:</i>	
+ <i>Vốn xây dựng cơ bản tập trung:</i>	<i>14.256 triệu đồng</i>
+ <i>Chi thường xuyên:</i>	<i>4.541 triệu đồng</i>
- Nguồn dự phòng ngân sách:	300 triệu đồng

+ <i>Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương:</i>	300 triệu đồng
- Quỹ cải cách tiền lương:	5.722 triệu đồng
+ <i>Chi bổ sung quỹ lương theo quy định:</i>	5.722 triệu đồng
- Từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện, cấp huyện chi bổ sung có mục tiêu cho cấp xã, thị trấn:	2.589 triệu đồng
e) Chi bổ sung có mục tiêu cho xã, thị trấn:	2.589 triệu đồng

Tổng dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2017 (bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã, thị trấn) sau khi điều chỉnh, số tiền là 422.209 triệu đồng (Bốn trăm hai mươi hai tỷ hai trăm lẻ chín triệu đồng).

*Trong đó:*

- Dự toán chi ngân sách cấp huyện năm 2017 theo từng lĩnh vực sau điều chỉnh là: 388.840 triệu đồng.

- Số bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã, thị trấn năm 2017 sau điều chỉnh là: 33.369 triệu đồng

*(Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định.

**Điều 3.** Giao thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên Khóa XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *Nguyễn Văn Hồng*

**Nơi nhận:**

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- TT.HU, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQ, các đoàn thể huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tư pháp;
- Các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Lưu: VT, VP HĐND-UBND huyện.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hồng**

**Phụ lục**  
**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2017**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2017*  
*của Hội đồng nhân dân huyện Tân Biên)*

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2017			Dự toán bổ sung trong năm 2017	Dự toán năm 2017 sau khi điều chỉnh
		Dự toán trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh	Dự toán sau khi điều chỉnh		
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>270,140</b>	<b>(2,706)</b>	<b>267,434</b>	<b>154,775</b>	<b>422,209</b>
<b>A</b>	<b>Các khoản chi cân đối</b>	<b>237,668</b>	<b>(1,014)</b>	<b>236,654</b>	<b>152,186</b>	<b>388,840</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư XDCB:</b>	<b>30,770</b>	<b>11,137</b>	<b>41,907</b>	<b>133,166</b>	<b>175,073</b>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>201,632</b>	<b>(11,651)</b>	<b>189,981</b>	<b>19,020</b>	<b>209,001</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo:</b>	<b>129,150</b>	<b>-</b>	<b>129,150</b>	<b>7,242</b>	<b>136,392</b>
a	Chi giáo dục	127,730		127,730	7,242	134,972
b	Chi đào tạo	1,420		1,420		1,420
<b>2</b>	<b>Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể., tổ chức XH</b>	<b>36,531</b>	<b>(10,011)</b>	<b>26,520</b>		<b>26,520</b>
a	<b>Chi quản lý nhà nước, đoàn thể., tổ chức XH</b>	<b>28,084</b>	<b>(8,850)</b>	<b>19,234</b>	<b>-</b>	<b>19,234</b>
-	Chi quản lý nhà nước	18,189	(5,000)	13,189	-	13,189
-	Đoàn thể	4,979	(1,500)	3,479		3,479
-	Tổ chức xã hội	816	(350)	466		466
-	Kinh phí đặc thù	900		900		900
-	Kinh phí đặc thù huyện biên giới	900		900		900
-	Mua sắm TS	2,300	(2,000)	300		300
b	<b>Kinh phí Đảng</b>	<b>8,447</b>	<b>(1,161)</b>	<b>7,286</b>		<b>7,286</b>
-	Quỹ lương	3,878		3,878		3,878
-	KP hoạt động thường xuyên	1,332		1,332		1,332
-	Hợp đồng 68	170		170		170
-	Kinh phí đặc thù	1,606		1,606		1,606
+	Phụ cấp báo cáo viên	73		73		73
+	Phụ cấp ban bảo vệ sức khỏe	26		26		26
+	Phụ cấp tiền ăn người làm công tác cơ yếu	9		9		9
+	Kinh phí trang phục người làm công tác cơ yếu	7		7		7
+	Phụ cấp BCH	244		244		244
+	Theo Quy định 11-QĐ/TU	539		539		539
+	KP hoạt động của TCCS đảng theo QĐ 99-QĐ/TW	458		458		458
+	KP luân chuyển cán bộ	125		125		125
+	Chi khen thưởng TCCSĐ	50		50		50
+	Cuộc vận động HTLTTGHCM	25		25		25
+	KP dân vận khéo	15		15		15
+	Khám sức khỏe định kỳ	10		10		10
+	Kinh phí bảo vệ chính trị nội bộ	25		25		25
-	KP mua sắm sửa chữa	1,341	(1,161)	180		180
-	Dự phòng	120		120		120
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp văn hóa</b>	<b>1,370</b>		<b>1,370</b>		<b>1,370</b>
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh</b>	<b>700</b>	<b>(209)</b>	<b>491</b>		<b>491</b>
<b>5</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	<b>700</b>	<b>(215)</b>	<b>485</b>		<b>485</b>
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế</b>	<b>970</b>		<b>970</b>		<b>970</b>
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp xã hội</b>	<b>9,557</b>	<b>-</b>	<b>9,557</b>	<b>5,370</b>	<b>14,927</b>
-	Chi công tác bảo trợ xã hội	7,630		7,630	2,000	9,630

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2017			Dự toán bổ sung trong năm 2017	Dự toán năm 2017 sau khi điều chỉnh
		Dự toán trước khi điều chỉnh	Điều chỉnh	Dự toán sau khi điều chỉnh		
-	KP tổ chức tang lễ, phúng điếu theo QĐ số 17/2012/QĐ-UBND	50		50	-	50
-	KP nghỉ dưỡng tập trung	23		23	-	23
-	Thăm tặng quà gia đình thương binh liệt sĩ	50		50	-	50
-	Kinh phí viếng nghĩa trang	10		10	-	10
-	Tết trung thu, công tác trẻ em	80		80	-	80
-	KP tết dân tộc (VP.HĐND-UBND huyện)	25		25	-	25
-	Kinh phí tết tôn giáo (Phòng Nội Vụ)	17		17	-	17
-	KP thăm và đón tiếp các chức sắc dân tộc (MTTQ)	24		24	-	24
-	Kinh phí ngày gia đình việt nam (Phòng VH)	20		20	-	20
-	Kinh phí quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	10		10	-	10
-	KP trợ cấp cho người làm công tác xã hội ở xã	-		-	-	-
-	Chi tiền ăn đào tạo nghề lao động nông thôn				2,589	2,589
-	Hỗ trợ tiền tết				781	781
-	Chi trợ giá, trợ cước hỗ trợ hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg ngày	30		30	-	30
-	Chi SNXH khác	1,588		1,588	-	1,588
<b>8</b>	<b>Chi an ninh, quốc phòng</b>	<b>2,775</b>	-	<b>2,775</b>	<b>300</b>	<b>3,075</b>
-	Chi an ninh	525		525		525
-	Quốc phòng	1,650		1,650	300	1,950
-	Kinh phí đặc thù huyện biên giới	600		600		600
<b>9</b>	<b>Sự nghiệp khoa học công nghệ</b>	<b>130</b>		<b>130</b>		<b>130</b>
<b>10</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>15,819</b>	<b>(1,816)</b>	<b>14,003</b>	<b>6,108</b>	<b>20,111</b>
-	Sự nghiệp nông nghiệp	900	(824)	76		76
-	Sự nghiệp lâm nghiệp	77		77	5,943	6,020
-	Sự nghiệp giao thông	2,092	(933)	1,159		1,159
-	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	3,700		3,700	165	3,865
-	Chi công tác quy hoạch	500	(59)	441		441
-	Sự nghiệp kinh tế khác	8,550		8,550	-	8,550
<b>11</b>	<b>Sự nghiệp môi trường</b>	<b>2,570</b>	-	<b>2,570</b>	-	<b>2,570</b>
-	Hoạt động môi trường	508		508	-	508
-	Thu gom rác thải	2,062		2,062	-	2,062
<b>12</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>1,360</b>	<b>600</b>	<b>1,960</b>	-	<b>1,960</b>
<b>III</b>	<b>Chi dự phòng</b>	<b>4,766</b>		<b>4,766</b>	-	<b>4,766</b>
<b>IV</b>	<b>Chi nguồn để lại quản lý qua ngân sách</b>	<b>500</b>	<b>(500)</b>	<b>-</b>	-	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>Chi bổ sung ngân sách xã, thị trấn</b>	<b>32,472</b>	<b>(1,692)</b>	<b>30,780</b>	<b>2,589</b>	<b>33,369</b>
1	Bổ sung cân đối	32,120	(1,692)	30,428	-	30,428
2	Bổ sung có mục tiêu	352		352	2,589	2,941